**Danh sách thông báo về dự thảo và quy định có hiệu lực về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động,
thực vật của các thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ ngày 21/11-20/12/2022**

1. **Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt** |
| 1 | G/SPS/N/CAN/1468 | ATTP, BVTV | Canada | 20/12/2022 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa hoạt chất florpyrauxifen-benzyl (PMRL2022-23) | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2022-23 là để tham khảo các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được liệt kê đối với florpyrauxifen-benzyl đã được Cơ quan quản lý quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất.

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến |
| 0,06 | Phụ phẩm thịt của gia súc, dê, ngựa và cừu |
| 0,02 | Rau củ và củ (nhóm cây trồng 1); rau họ đậu (nhóm cây trồng 6-21); hạt ngũ cốc (nhóm cây trồng 15-21); hạt có dầu (nhóm cây trồng 20) (sửa đổi); mỡ và thịt gia súc, dê, ngựa và cừu; phỉ; sữa |

1 ppm = phần triệu.Các mặt hàng có trong các nhóm/phân nhóm cây trồng được liệt kê trên trang web nhóm cây trồng có hóa chất tồn dư có thể được tìm thấy tại: (https://www.canada.ca/en/healthcanada/services/consumer-product-safety/pesticides-pest-management/public/protectingyour-health-environment/pesticides-food/residue-chemistry-crop-groups.html) trong phần thuốc trừ sâu của trang web Canada.ca. |
| 2 | G/SPS/N/PER/1000 | BVTV | Pê Ru | 19/12/2022 | Nghị quyết số 0037-2022-MIDAGRI-SENASA-DSV | Văn bản được thông báo sửa đổi Nghị quyết số 0018-2022MIDAGRISENASA-DSV và bao gồm một tùy chọn mới tuyên bố bổ sung cho việc nhập khẩu hạt giống cà chua (*Solanum lycopersicum*) có nguồn gốc và xuất xứ từ: Úc, Bolivia, Chile, Trung Quốc , Đan Mạch, Pháp, Đức, Guatemala, Ấn Độ, Israel, Ý, Nhật Bản, Kenya, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, Hàn Quốc, Cộng hòa Dân chủ Nhân Dân Lào, Latvia, Mexico, Maroc, Hà Lan, Niu Di-lân, Pakistan, Nam Phi, Đài Bắc Trung Hoa, Tanzania, Thái Lan, Türkiye, Hoa Kỳ và Việt Nam |
| 3 | G/SPS/N/USA/3360 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 16/12/2022 | Đề xuất dung sai thuốc trừ sâu tetraniliprole, Quy tắc cuối cùng | Nội dung thông báo: Dự thảo này thiết lập mức chophép đối với dư lượng tetranilipprole trong hoặc trênhạt ngũ cốc, ngũ cốc, nhóm 15, trừ gạo; thức ăn thôxanh, thức ăn gia súc và rơm, nhóm 16, ngoại trừngô đồng, bỏng ngô và ngô ngọt. Mức tồn dư đềxuất:Ngũ cốc, ngũ cốc, thức ăn thô xanh, thức ăn gia súcvà rơm rạ, nhóm 16, ngoại trừ ngô đồng, bỏng ngôvà ngô ngọt: 0,1 ppmNgũ cốc, hạt ngũ cốc, nhóm 15, trừ gạo: 0,01 ppm |
| 4 | G/SPS/N/BRA/2121 | TY, QLCL | Bra-xin | 16/12/2022 | RIG.FN.OL.OA.AA.AH.NOV.21 - Yêu cầu kiểm dịch động vật đối với việc nhập khẩu bột và dầu động vật thủy sinh | Yêu cầu kiểm dịch động vậtđối với việc nhập khẩu bột và dầu động vật thủysinh, bao gồm:− Các yêu cầu vệ sinh động vật của Bra-xin đối vớiviệc nhập khẩu bột tôm hồng (pandalus) có xuất xứtừ đánh bắt và/hoặc nuôi thủy sản tại bất kỳ quốc gianào và dành cho con người tiêu thụ− Các yêu cầu vệ sinh động vật của Bra-xin đối vớinhập khẩu bột vỏ hàu có xuất xứ từ nuôi ở bất kỳquốc gia nào và dành cho con người.− Các yêu cầu vệ sinh động vật của Bra-xin đối vớiviệc nhập khẩu bột cod của chi cá tuyết có xuất xứ từnguồn nuôi ở bất kỳ quốc gia nào và dành cho conngười tiêu dùngNgoài ra, các chứng chỉ đã được thỏa thuận songphương với các quốc gia vẫn có hiệu lực |
| 5 | G/SPS/N/BRA/2108/Add.1 | BVTV | Bra-xin | 16/12/2022 | Chỉ thị Quy phạm số 159, ngày 01 tháng 7 năm 2022 | Hướng dẫn Quy chuẩn số 159, ngày 01 tháng 7 năm 2022 - được thông báo G/SPS/N/BRA/2108, trong đó thiết lập danh sách các bộ phận/thành phần của thực vật được phép dùng để làm trà và gia vị, đã được thay đổi bởi Hướng dẫn Quy chuẩn 197 , ngày 8 tháng 12 năm 2022.Văn bản chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6525941/IN\_197\_2022\_.pdf/cd476a8e-14ef-48108789-4a95844e1f8e. |
| 6 | G/SPS/N/BRA/2054/Add.2 | BVTV | Bra-xin | 16/12/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1103, ngày 13 tháng 7 năm 2022 | Chỉ thị Quy chuẩn số 191, ngày 31 tháng 10 năm 2022 - đã được thông báo G/SPS/N/BRA/2054/Add.1 - đã được sửa đổi.Nội dung thông báo: Văn bản đính chính, chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: https://www.in.gov.br/en/web/dou/-/retificacao-450428979 |
| 7 | G/SPS/N/BRA/2048/Add.2 | BVTV | Bra-xin | 16/12/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1097, ngày 3 tháng 6 năm 2022 | Chỉ thị Quy chuẩn số 185, ngày 28 tháng 9 năm 2022 - đã được thông báo G/SPS/N/BRA/2048/Add.1 - đã được sửa đổi.Nội dung thông báo: Văn bản đính chính, chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: https://www.in.gov.br/en/web/dou/-/retificacao-450428899 |
| 8 | G/SPS/N/BRA/2029/Add.2 | BVTV | Bra-xin | 16/12/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1085, ngày 17 tháng 3 năm 2022 | Chỉ thị Quy chuẩn số 167, ngày 12 tháng 8 năm 2022 - đã được thông báo trước đó qua G/SPS/N/BRA/2029/Add.1 - đã được sửa đổi.Nội dung thông báo: Văn bản đính chính, chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: https://www.in.gov.br/en/web/dou/-/retificacoes-450428821 |
| 9 | G/SPS/N/CAN/1465/Corr.1 | ATTP, BVTV | Canada | 15/12/2022 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa cho clomazone: Hiệu chỉnh | Bản đính chính này làm rõ các mặt hàng nông sản thô trong phần 6 được nêu trong thông báo G/SPS/N/CAN/1465 phiên bản tiếng Pháp. Thông báo báo cáo sai các mặt hàng nông sản thô (Hàng hóa Nông nghiệp Thô và/hoặc Hàng hóa Đã qua Chế biến) trong phần 6 là:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Nông sản thô và/hoặc sản phẩm chế biến |
| 0,05 | Mục đích của PMRL2022-20 là tham khảo về Giới hạn dư lượng tối đa của Canada (MRL) đã được Cơ quan quản lý quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất cho clomazone |

1ppm = một phần triệuCác mặt hàng nông sản thô trong phần 6 phải nêu rõ:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Nông sản thô và/hoặc sản phẩm chế biến |
| 0,05 | Hạt lạc, hạt mù tạc (loại làm gia vị), hạt mù tạt (loại hạt có dầu) |

1ppm = một phần triệu |
| 10 | G/SPS/N/TUR/130 | TY, CN | Thổ Nhĩ Kỳ | 14/12/2022 | Giấy chứng nhận sức khỏe thú y để xuất khẩu sữa, các sản phẩm từ sữa và các sản phẩm có nguồn gốc từ sữa không dành cho người tiêu dùng và các sản phẩm máu không dành cho người có thể được sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi sang Cộng hòa Türkiye. | Các quy tắc, thủ tục và mẫu liên quan đến giấy chứng nhận sức khỏe thú y do Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp quy định theo Khoản 7 Điều 31 của Luật số 5996 (G/SPS/N/TUR/9). Các mẫu giấy chứng nhận sức khỏe thú y dưới đây đã được chuẩn bị một phần tuân thủ Quy định của Ủy ban (EU) số 142/2011 ngày 25 tháng 2 năm 2011:• "Giấy chứng nhận sức khỏe thú y để xuất khẩu sữa, các sản phẩm từ sữa và các sản phẩm từ sữa không dành cho người tiêu dùng sang Cộng hòa Türkiye";• "Giấy chứng nhận sức khỏe thú y để xuất khẩu các sản phẩm từ máu không dành cho con người mà có thể được sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cho Cộng hòa Türkiye". |
| 11 | G/SPS/N/NZL/704 | TY | Niu Di-lân | 14/12/2022 | Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu cho các sản phẩm động vật được chỉ định | Các sản phẩm động vật đã qua chế biến dùng làm thực phẩm cho con người và các mục đích sử dụng khác, ví dụ: sản phẩm động vật đóng hộp, collagen, gelatine, sản phẩm trứng, sản phẩm thịt, mật và các sản phẩm chữa bệnh cho người.Giấy chứng nhận mẫu có sẵn cho một số mặt hàng khi được yêu cầu. Giấy chứng nhận mô hình không yêu cầu đàm phán chứng chỉ thú y |
| 12 | G/SPS/N/EU/606 | ATTP, BVTV, TY | EU | 14/12/2022 | Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Phụ lục III và V của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu về mức dư lượng tối đa đối với phosmet trong hoặc trên một số sản phẩm | Dự thảo Quy định được đề xuất liên quan đến việc xem xét các mức dư lượng giới hạn tối đa cho phép ( MRL) hiện có đối với phosmet trong một số mặt hàng thực phẩm, mức MRL mới rất thấp trong phạm vi từ 0,005-0,01 mg/kg và một số sẽ không được phép tồn tại do lo ngại ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng. |
| 13 | G/SPS/N/BRA/2101/Add.1 | ATTP | Bra-xin | 14/12/2022 | Nghị quyết - RDC số 725, ngày 01 tháng 7 năm 2022 | Nghị quyết - RDC số 725, ngày 01 tháng 7 năm 2022 - được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2101 - đã được chỉnh sửa và xuất bản lại.Các văn bản được chỉnh sửa và tái bản chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: https://www.in.gov.br/en/web/dou/-/retificacao-448597582https://www.in.gov.br/ vi/web/dou//resolucao-de-diretoria-colegiada-rdc-n-725-de-1-de-julho-de-2022-448592408 |
| 14 | G/SPS/N/AUS/557 | BVTV | Úc | 14/12/2022 | Phân tích nguy cơ dịch hại đối với vi khuẩn gây bệnh thuộc chi *Xylella* | Cục Nông nghiệp, Ngư nghiệp và Lâm nghiệp thực hiện phân tích rủi ro dịch hại để đánh giá rủi ro an toàn sinh học của tất cả các loài Xylella và để xác định liệu các biện pháp khẩn cấp quản lý rủi ro an toàn sinh học liên quan đến việc buôn bán, sản xuất thực vật để trồng và hạt giống để gieo trồng.Dự thảo báo cáo bao gồm các chi tiết về:• Xylella là tác nhân gây bệnh thực vật, bao gồm tổng quan về sinh học, vectơ côn trùng, ký chủ thực vật, phân bố địa lý, đường lây truyền, chẩn đoán và điều trị;• Đánh giá nguy cơ dịch hại của Xylella spp. gắn với giống ươm và giống để gieo trồng;• Quản lý rủi ro dịch hại, đề xuất các biện pháp quản lý rủi ro, kết hợp với các hệ thống vận hành và/hoặc giai đoạn kiểm dịch trước khi nhập khẩu vào Úc để đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn sinh họ |
| 15 | G/SPS/N/NZL/703 | TY | Niu Di-lân | 13/12/2022 | Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu: Sản phẩm trứng | Yêu cầu nhập khẩu sản phẩm trứng chế biến vào Niu Di-lân |
| 16 | G/SPS/N/COL/342 | BVTV, TY | Colombia | 13/12/2022 | Dự thảo Nghị quyết: "Các điều kiện được thiết lập để nhập khẩu động vật, rau và các sản phẩm của chúng vào Colombia mà không có yêu cầu vệ sinh và/hoặc kiểm dịch động thực vật nhập khẩu và các quy định khác được ban hành." | Quy trình phân tích rủi ro là một quy trình khoa học kỹ thuật được phát triển trong khuôn khổ các tiêu chuẩn quốc tế nhằm thiết lập các điều kiện hoặc yêu cầu kiểm dịch động thực vật đối với việc nhập khẩu động vật, thực vật và các sản phẩm của chúng và tạo thuận lợi cho thương mại, đó là lý do tại sao cần phải xác định và áp dụng hướng dẫn mới để thiết lập các yêu cầu nói trên ở cấp quốc gia, nhằm giải quyết sự không chắc chắn toàn cầu hiện nay về an ninh lương thực, biến đổi khí hậu và các thách thức toàn cầu khác để tiếp cận thị trường mới, phù hợp với hướng dẫn hoặc nguyên tắc do Tổ chức Thương mại Thế giới thiết lập và các Thỏa thuận quốc tế tương ứng, mà không bỏ qua sự nghiêm ngặt về tiêu chuẩn kỹ thuật mà loại quy trình này yêu cầu. Do đó, dự thảo nghị quyết đề xuất với mục đích thiết lập các điều kiện cho việc nhập khẩu động vật, rau và các sản phẩm của chúng vào Colombia mà không có yêu cầu vệ sinh và/hoặc kiểm dịch động thực vật nhập khẩu. |
| 17 | G/SPS/N/UKR/193 | BVTV | Ucraina | 12/12/2022 | Dự thảo Luật của Ucraina "Về việc đưa các sản phẩm bảo vệ thực vật và hóa chất nông nghiệp ra thị trường". | Dự thảo Luật nhằm mục đích thiết lập các thủ tục đưa các sản phẩm bảo vệ thực vật và hóa chất nông nghiệp ra thị trường Ucraina, theo các quy định hiện hành của EU. Mục đích của nó là xác định thuật ngữ và các khái niệm cơ bản về phê duyệt các hoạt chất, chất giải độc và chất hỗ trợ có trong các dạng bào chế của sản phẩm bảo vệ thực vật.Dự thảo Lệnh được phát triển để cải thiện quy định của nhà nước trong lĩnh vực thuốc trừ sâu và hóa chất nông nghiệp có tính đến Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 21 tháng 10 năm 2009 liên quan đến việc đưa các sản phẩm bảo vệ thực vật vào danh sách thị trường và bãi bỏ Chỉ thị của Hội đồng 79/117/EEC và 91/414/EEC, Quy định (EU) 2019/1009 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 5 tháng 6 năm 2019 đặt ra các quy tắc về việc đưa ra thị trường các sản phẩm phân bón của EU và sửa đổi Quy định (EC) số 1069/2009 và (EC) số 1107/2009 và bãi bỏ Quy định (EC) số 2003/2003.Tất cả các đăng ký thuốc trừ sâu và hóa chất nông nghiệp hiện có theo Luật "Về thuốc trừ sâu và hóa chất nông nghiệp" của Ucraina.Luật hiện hành của Ucraina "Về thuốc trừ sâu và hóa chất nông nghiệp" sẽ hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.Dự thảo Luật cũng được thông báo phù hợp với quy định của Hiệp định TBT |
| 18 | G/SPS/N/UGA/225 | CT | Uganda | 12/12/2022 | DUS 47:2022, Đặc điểm kỹ thuật nước giải khát có ga và không có ga, ấn bản lần thứ tư | Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với nước giải khát có ga và không ga có thể ở dạng cô đặc (rắn hoặc lỏng) hoặc uống liền.Tiêu chuẩn này không áp dụng cho các sản phẩm áp dụng các tiêu chuẩn khác như:a) Nước (bao gồm nước đóng gói, nước uống có hương vị và nước khoáng thiên nhiên đóng gói);b) Nước ép trái cây;c) Nước quả và mật hoa;d) Nước rau và mật hoa;e) Nước thảo mộc (uống liền và cô đặc);vàf) Đồ uống từ ngũ cốc.Tiêu chuẩn quy định các thuộc tính về thành phần, an toàn và chất lượng đối với nước giải khát có ga và không có ga. Các yêu cầu ghi nhãn đã được đưa vào tiêu chuẩn này để phân biệt rõ ràng nước ngọt có ga và không có ga với các loại nước giải khát khác.Tiêu chuẩn này làm rõ sự khác biệt giữa nước ngọt có ga và không có ga cũng như các loại đồ uống khác nhằm tạo điều kiện giao tiếp giữa người tiêu dùng và thương nhân đồng thời khuyến khích thực hành thương mại công bằng. Để các nhà thực thi tiêu chuẩn và ngành công nghiệp hiểu rõ, điều quan trọng là phải đề cập rõ ràng rằng chế độ ăn kiêng/nhẹ/nhẹ là đồ uống có hàm lượng calo thấp, thường hầu như không có calo.Lưu ý: Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda này cũng đã được thông báo cho Ủy ban TBT. |
| 19 | G/SPS/N/TZA/223 | QLCL | Tanzania | 08/12/2022 | AFDC 23 (1520), Tiêu chuẩn kỹ thuật cho mực nang và mực ống đông lạnh | Tiêu chuẩn Tanzania này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với mực nang và mực ống đông lạnh |
| 20 | G/SPS/N/TUR/129 | ATTP, BVTV, TY, QLCL, CT | Thổ Nhĩ Kỳ | 08/12/2022 | Thổ Nhĩ Kỳ Food Codex - Quy định về chất gây ô nhiễm | Quy định này bao gồm các mức dư lượng tối đa đối với một số chất gây ô nhiễm trong thực phẩm và trách nhiệm xác định, ngăn ngừa, giảm thiểu hoặc loại bỏ nguồn rủi ro liên quan đến các chất gây ô nhiễm.Quy định bao gồm nitrat, độc tố nấm mốc, kim loại nặng, 3-monochloropropanediol(3-MCPD), este của axit béo 3-MCPD và este của axit béo glycidyl, điôxin và biphenyls polychlorin hóa giống như điôxin (PCB), hydrocacbon thơm đa vòng (PAH), melamine và các chất tương tự cấu trúc của chúng, độc tố thực vật tự nhiên, perchlorate và các chất gây ô nhiễm khác.Với việc ban hành Quy định mới, Quy định về Chất gây ô nhiễm của Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ được công bố trên Công báo ngày 29 tháng 12 năm 2011 và được đánh số 28157 sẽ bị bãi bỏ. |
| 21 | G/SPS/N/EU/605 | ATTP, TY | EU | 08/12/2022 | Dự thảo Quy định của Ủy ban bổ sung Quy định (EU) 2019/6 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến việc áp dụng lệnh cấm sử dụng một số sản phẩm thuốc chống vi trùng ở động vật hoặc sản phẩm có nguồn gốc từ động vật được xuất khẩu từ các nước thứ ba vào Liên minh | Dự thảo này xây dựng các yêu cầu đối với động vật và sản phẩm có nguồn gốc từ động vật làm thực phẩm cho con người, từ các nước thứ ba xuất khẩu sang Liên minh châu Âu liên quan đến lệnh cấm sử dụng thuốc chống vi trùng để thúc đẩy tăng trưởng và tăng năng suất cũng như lệnh cấm sử dụng một số loại thuốc chống vi trùng dành riêng cho việc điều trị nhiễm trùng ở người (Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2022/1255) được quy định trong Quy định (EU) 2019/6 |
| 22 | G/SPS/N/CRI/250 | BVTV | Costa Rica | 08/12/2022 | Nghị quyết số 264-2022-NR-ARP-SFE, Cục Kiểm dịch Thực vật Nhà nước, Cục Tiêu chuẩn và Quy định, Đơn vị phân tích nguy cơ dịch hại. Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt gai dầu và cần sa y tế (*Cannabis sativa*) để trồng ở bất kỳ nguồn gốc nào | Thiết lập các biện pháp kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống để trồng cây gai dầu và cần sa làm thuốc (*Cannabis sativa*) ở bất kỳ nguồn gốc nào và khiến Nghị quyết số 063-2020-ARP-SFE, được thông báo thông qua chữ ký G/SPS/N/CRI/232, được phân thông báo WTO vào ngày 24 tháng 6 năm 2020 |
| 23 | G/SPS/N/BRA/2120 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 08/12/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1125, ngày 23 tháng 11 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất S22: Swinglea glutinosa vào danh mục chuyên khảo các hoạt chất dùng cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Chỉ thị Quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União) |
| 24 | G/SPS/N/BRA/2119 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 08/12/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1126, ngày 23 tháng 11 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất B60: Bacillus paralicheniformis vào danh mục chuyên khảo các hoạt chất dùng cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Chỉ thị Quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União) |
| 25 | G/SPS/N/BRA/2118 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 08/12/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1127, ngày 23 tháng 11 năm 2022. | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất S23: steinernema feeliae vào danh sách chuyên khảo về các hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Chỉ thị Quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União) |
| 26 | G/SPS/N/BRA/2117 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 08/12/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1128, ngày 23 tháng 11 năm 2022. | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất F74: Phenpropidin vào danh sách chuyên khảo về các hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Chỉ thị Quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União). |
| 27 | G/SPS/N/ARE/113/Add.1,G/SPS/N/BHR/168/Add.1G/SPS/N/KWT/16/Add.1,G/SPS/N/OMN/67/Add.1 G/SPS/N/QAT/71/Add.1, G/SPS/N/SAU/267/Add.1G/SPS/N/YEM/12/Add.1 | BVTV, TY, QLCL, CT | Các quốc gia Ả-rập vùng Vịnh | 08/12/2022 | Vương quốc Ả-rập Xê-út/Hội đồng hợp tác của các quốc gia Ả-rập vùng Vịnh dự thảo quy định kỹ thuật về: "Quy định vệ sinh đối với các nhà máy thực phẩm và nhân viên" | Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật này được áp dụng cho các quy định vệ sinh phải có trong các nhà máy thực phẩm và nhân viên. Ngày 11 tháng 4 năm 2017, Ả-rập Xê-út thay mặt các thành viên GSO thông báo với WTO (SPS) về Quy chuẩn kỹ thuật này (G/SPS/N/ARE/113, G/SPS/N/BHR/168, G/SPS/N/KWT /16, G/SPS/N/OMN/67, G/SPS/N/QAT/71, G/SPS/N/SAU/267 và G/SPS/N/YEM/12).Trong quy chuẩn kỹ thuật này, Tổng cục Thống kê đưa vào một bản cập nhật trong:− Tài liệu tham khảo bổ sung;− Định nghĩa;− Yêu cầu.https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/SAU/22\_8163\_00\_x.pdf |
| 28 | G/SPS/N/CAN/1467 | ATTP, BVTV | Canada | 05/12/2022 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa cho: Pyrifluquinazon (PMRL2022-22) | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2022-22 là để tham khảo về các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được liệt kê đối với pyrifluquinazon đã được đề xuất bởi Cơ quan Quản lý Dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA).

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến |
| 30 | Dầu cam quýt |
| 20 | Trà (lá khô) |
| 5,0 | Rau ăn lá (nhóm cây trồng 4-13) |
| 1,5 | Rau có cuống lá (nhóm cây trồng 22B) |
| 0,7 | Cam quýt (nhóm cây trồng 10) (sửa đổi) |
| 0,6 | Rau lấy thân và đầu cải Brassica (nhóm cây trồng 5-13) |
| 0,3 | Rau ăn quả (nhóm cây trồng 8-09); anh đào (nhóm cây trồng 12-09A); quả nhỏ dạng dây leo, trừ quả kiwi lông tơ (phân nhóm cây trồng 13-07F); hạt bông không có hạt |
| 0,07 | Rau bầu bí (nhóm cây trồng 9); quả lựu (nhóm cây trồng 11 09) |
| 0,04 | Quả đào (phân nhóm cây trồng 12-09B) |
| 0,02 | Rau củ và rau củ (nhóm cây trồng 1C); mận (nhóm cây trồng 12-09C); hạt cây (nhóm cây trồng 14-11) |

1 ppm = phần triệuCó thể tìm thấy các hàng hóa trong các nhóm/phân nhóm cây trồng được liệt kê trên Dư lượngTrang web Chemistry Crop Groups (https://www.canada.ca/en/healthcanada/services/consumer-product-safety/pesticides-pest-management/public/protectingyour-health-environment/pesticides-food/residue-chemistry-crop-groups.htm) trong phần Thuốc trừ sâu của trang web Canada.ca |
| 29 | G/SPS/N/CAN/1466 | ATTP, BVTV | Canada | 05/12/2022 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa cho: Sedaxane (PMRL2022-21) | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2022-21 làtham khảo ý kiến về các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được liệt kê đối với sedaxane đã được đề xuất bởi Cơ quan Quản lý Dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA).

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến |
| 0,01 | Lạc, gạo, bông không có hạt |

1ppm = phần triệu |
| 30 | G/SPS/N/CAN/1465 | ATTP, BVTV | Canada | 05/12/2022 | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất: Clomazone (PMRL2022-20) | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2022-20 là để tham khảo các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được liệt kê đối với clomazone đã được đề xuất bởi Cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA).

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến |
| 0,05 | Hạt mù tạt (loại gia vị), hạt mù tạt (loại hạt có dầu) |

1 ppm = phần triệu |
| 31 | G/SPS/N/BRA/2116 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 05/12/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1131, ngày 24 tháng 11 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết đề xuất đưa các hoạt chất A29 - acetamiprid, A68 - aminocyclopirachlor, B26 - bifentrine, B29 - buprofezine, B54 - bixafem, B55 - emamectin benzoate, C10 - cypermethrin, C40 - chlorfenapir, C63 - lambda-cyalothrine , C70 - chloranthraniliprole, D06 - deltametrin, D36 - difenoconazol, D41 - diafentiurom, F36 - flutriafol, L05 - lufenurom, M01 - malationa, M52 - mefentrifuconazol, O21 - oxatiapiproline, P13 - profenofós, và S19 - sulfoxaflor trong danh sách chuyên khảo hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn tiêu chuẩn số 103 -Ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União) |
| 32 | G/SPS/N/AUS/555 | ATTP, BVTV, TY | Úc | 05/12/2022 | Đề xuất sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc Niu Di-lân sửa đổi (15 tháng 11 năm 2022). | Đề xuất sửa đổi Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm của Úc, Niu Di-lân điều chỉnh các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với các hóa chất nông nghiệp và thú y khác nhau để chúng phù hợp với các quy định quốc gia khác liên quan đến việc sử dụng an toàn và hiệu quả các hóa chất nông nghiệp và thú y: Afidopyropen, aminopyralid, atrazine, azoxystrobin, bifenthrin, bixlozone, butafenacil, clomazone, clopyralid, clothianidin, cyhalothrin, cypermethrin, diafenthiuron, dimpropyridaz, emamectin, flonicamid, florylpicoxamid, fludioxonil, fluquinconazole, flutriafol, glufosinate and glufosinate-ammonium, glyphosate, halauxifenmethyl, haloxyfop, imazamox, imazapic, imazapyr, imidacloprid, iprodione, isocycloseram, linuron, maldison, mefentrifluconazole, methomyl, metolachlor, metribuzin, napropamide, oryzalin, penflufen, permethrin, pirimicarb, procymidone, propyzamide, prothioconazole, pydiflumetofen, quizalofop-ethyl, quizalofop-p-tefuryl, sedaxane, Sethoxydim, simazine, spinetoram, sulfoxaflor, tebuconazole, terbuthylazine, tetraniliprole, thiamethoxam, tiafenacil và trifloxystrobin trong các mặt hàng thực vật được chỉ định. Dimpropyridaz, florylpicoxamid, isocycloseram và tetraniliprole trong các mặt hàng động vật cụ thể |
| 33 | G/SPS/N/ARE/277,G/SPS/N/BHR/235G/SPS/N/KWT/132,G/SPS/N/OMN/131G/SPS/N/QAT/135,G/SPS/N/SAU/489G/SPS/N/YEM/76 | CT, TY | Các quốc gia Ả-rập vùng Vịnh | 05/12/2022 | Quy chuẩn kỹ thuật thịt chế biến sẵn - thịt bò đóng hộp và thịt bò muối | Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng đối với thịt bò và thịt cừu đóng hộp dùng làm thực phẩm cho người, được đóng gói trong bao bì kín |
| 34 | G/SPS/N/ARE/276,G/SPS/N/BHR/234G/SPS/N/KWT/131,G/SPS/N/OMN/130G/SPS/N/QAT/134,G/SPS/N/SAU/488G/SPS/N/YEM/75 | CT, TY | Các quốc gia Ả-rập vùng Vịnh | 05/12/2022 | Vương quốc Ả-rập Xê-út/Hội đồng hợp tác của các quốc gia Ả-rập vùng Vịnh dự thảo Quy định kỹ thuật cho "Thịt chế biến sẵn – thịt ép được xử lý bằng dung dịch muối và xử lý nhiệt" | Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng đối với thịt ép xử lý bằng dung dịch muối và xử lý nhiệt được sản xuất từ thịt bò, thịt trâu, lạc đà, thịt cừu hoặc thịt cừu hoặc thịt chim đã thuần hóa hoặc thịt thỏ đã được làm lạnh hoặc đông lạnh, không có xương, sụn và gân được đóng gói trong bao bì phù hợp |
| 35 | G/SPS/N/ARE/275,G/SPS/N/BHR/233G/SPS/N/KWT/130,G/SPS/N/OMN/129G/SPS/N/QAT/133,G/SPS/N/SAU/487G/SPS/N/YEM/74 | CT, TY | Các quốc gia Ả-rập vùng Vịnh | 05/12/2022 | Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật thịt chế biến sẵn - xúc xích | Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng cho xúc xích đã nấu chín và chưa nấu chín, ướp lạnh và đông lạnh và không bao gồm xúc xích khô, đóng hộp và thịt gia cầm |
| 36 | G/SPS/N/ARE/274,G/SPS/N/BHR/232G/SPS/N/KWT/129,G/SPS/N/OMN/128G/SPS/N/QAT/132,G/SPS/N/SAU/486G/SPS/N/YEM/73 | CT | Các quốc gia Ả-rập vùng Vịnh | 05/12/2022 | Dầu/mỡ hydro hóa một phần | Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật này liên quan đến:1.1 Quy chuẩn kỹ thuật này liên quan đến hàm lượng chất béo chuyển hóa trong các sản phẩm thực phẩm;2.1 Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng cho tất cả các sản phẩm thực phẩm dùng cho người |
| 37 | G/SPS/N/ARE/273,G/SPS/N/BHR/231G/SPS/N/KWT/128,G/SPS/N/OMN/127G/SPS/N/QAT/131,G/SPS/N/SAU/485G/SPS/N/YEM/72 | TY | Các quốc gia Ả-rập vùng Vịnh | 05/12/2022 | Thịt Martadella (Bữa trưa) | Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng đối với thịt Martadella (Bữa trưa được chế biến từ thịt đỏ hoặc thịt gia cầm hoặc từ hỗn hợp cả hai và được đóng gói trong bất kỳ vật liệu đóng gói phù hợp nào |
| 38 | G/SPS/N/ARE/272,G/SPS/N/BHR/230G/SPS/N/KWT/127,G/SPS/N/OMN/126G/SPS/N/QAT/130,G/SPS/N/SAU/484G/SPS/N/YEM/71 | TY | Các quốc gia Ả-rập vùng Vịnh | 05/12/2022 | Vương quốc Ả-rập Xê-út/Hội đồng hợp tác của các quốc gia Ả-rập vùng Vịnh dự thảo Quy định kỹ thuật đối với thịt đỏ xay và thịt gia cầm xay. | Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng cho thịt đỏ xay hoặc thịt gà xay, bao gồm thịt xay nguyên chất (thịt đỏ hoặc thịt gà xay) và thịt xay có bổ sung các sản phẩm từ đậu nành hoặc các sản phẩm protein từ sữa và phù hợp làm thực phẩm cho con người. |
| 39 | G/SPS/N/ARE/271,G/SPS/N/BHR/229G/SPS/N/KWT/126,G/SPS/N/OMN/125G/SPS/N/QAT/129,G/SPS/N/SAU/483G/SPS/N/YEM/70 | BVTV, TY, QLCL, CT | Các quốc gia Ả-rập vùng Vịnh | 05/12/2022 | Yêu cầu chung đối với việc vận chuyển và bảo quản thực phẩm ướp lạnh và đông lạnh | Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật này được áp dụng cho các yêu cầu chung đối với việc vận chuyển và bảo quản thực phẩm ướp lạnh và đông lạnh. |
| 40 | G/SPS/N/ARE/270,G/SPS/N/BHR/228G/SPS/N/KWT/125,G/SPS/N/OMN/124G/SPS/N/QAT/128,G/SPS/N/SAU/482G/SPS/N/YEM/69 | BVTV, TY, QLCL, CT | Các quốc gia Ả-rập vùng Vịnh | 05/12/2022 | Yêu cầu chung đối với việc vận chuyển và bảo quản thực phẩm (Không ướp lạnh và không đông lạnh) | Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho các yêu cầu chung đối với việc vận chuyển và bảo quản thực phẩm (không ướp lạnh hoặc không đông lạnh), được vận chuyển và bảo quản ở nhiệt độ không quá 30°C và trong các trường hợp thông thường, không cần vận chuyển bằng phương tiện làm lạnh và đông lạnh |
| 41 | G/SPS/N/ARE/269,G/SPS/N/BHR/227G/SPS/N/KWT/124,G/SPS/N/OMN/123G/SPS/N/QAT/127,G/SPS/N/SAU/481G/SPS/N/YEM/68 | TY | Các quốc gia Ả-rập vùng Vịnh | 05/12/2022 | Thịt chế biến sẵn – Thịt ướp lạnh hoặc đông lạnh Kofta | Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng cho thịt kofta ướp lạnh hoặc đông lạnh được chế biến từ thịt cừu, dê, thịt bò hoặc thịt trâu, lạc đà |
| 42 | G/SPS/N/ARE/268,G/SPS/N/BHR/226G/SPS/N/KWT/123,G/SPS/N/OMN/122G/SPS/N/QAT/126,G/SPS/N/SAU/480G/SPS/N/YEM/67 | BVTV | Các quốc gia Ả-rập vùng Vịnh | 05/12/2022 | Vương quốc Ả-rập Xê-út/Hội đồng hợp tác của các quốc gia Ả-rập vùng Vịnh dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật đối với vỏ cà phê (cà phê Cascara) | Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng đối với vỏ cà phê được chế biến để làm nguyên liệu thô và dùng mục đích cho người tiêu dùng |
| 43 | G/SPS/N/JPN/1158 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 02/12/2022 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v… theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) đối với hóa chất nông nghiệp sau:Thuốc trừ sâu: Zoxamid.Ví dụ:Hành tây: Mức giới hạn dư lượng không đổi: 0,7 ppmCà tím: Mức giới hạn dư lượng hiện tại: Chưa có quy định, Mức giới hạn dư lượng dự thảo: 1 ppm |
| 44 | G/SPS/N/JPN/1157 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 02/12/2022 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v… theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) đối với hóa chất nông nghiệp sau:Thuốc trừ sâu: Trinexapac-ethylVí dụ:Lúa mì: Mức giới hạn dư lượng hiện tại: 0,6 ppm; Mức giới hạn dư lượng dự thảo: 3 ppmSữa: Mức giới hạn dư lượng hiện tại: Chưa có quy định; Mức giới hạn dư lượng dự thảo: 0,005 ppm |
| 45 | G/SPS/N/JPN/1156 | ATTP, QLCL, BVTV, CT | Nhật Bản | 02/12/2022 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v… theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) đối với hóa chất nông nghiệp sau:Thuốc trừ sâu: PyridalylVí dụ:Khoai lang: Mức giới hạn dư lượng không đổi: 0,05 ppmMùi tây: Mức giới hạn dư lượng hiện tại: Chưa có quy định; Mức giới hạn dư lượng dự thảo: 50 ppm |
| 46 | G/SPS/N/JPN/1155 | ATTP, BVTV, TY, CT | Nhật Bản | 02/12/2022 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v… theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) đối với hóa chất nông nghiệp sau:Thuốc trừ sâu: PyraziflumidVí dụ:Đậu nành xanh: Mức giới hạn dư lượng hiện tại:10 ppm; Mức giới hạn dư lượng dự thảo: 15 ppmHành tây: Mức giới hạn dư lượng hiện tại: 0,3 ppm; Mức giới hạn dư lượng dự thảo: 0,2 ppmBắp cải: Mức giới hạn dư lượng không đổi: 3 ppm |
| 47 | G/SPS/N/JPN/1154 | ATTP, BVTV, TY, CT | Nhật Bản | 02/12/2022 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v… theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) đối với hóa chất nông nghiệp sau:Thuốc trừ sâu: IsopyrazamVí dụ:Táo: Mức giới hạn dư lượng không đổi: 5 ppmNho: Mức giới hạn dư lượng hiện tại: 10 ppm; Mức giới hạn dư lượng dự thảo: 8 ppmDưa Makuwauri (toàn bộ mặt hàng sau khi loại bỏ cuống): Mức giới hạn dư lượng hiện tại: Chưa có quy định; Mức giới hạn dư lượng dự thảo: 0,2 ppm |
| 48 | G/SPS/N/JPN/1153 | ATTP, BVTV, TY, CT | Nhật Bản | 02/12/2022 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v… theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) đối với hóa chất nông nghiệp sau:Thuốc trừ sâu: FlutriafolVí dụ:Cà chua: Mức giới hạn dư lượng không đổi: 0,8 ppmCải Brussels: Mức giới hạn dư lượng hiện tại: Chưa có quy định; Mức giới hạn dư lượng dự thảo: 2 ppm |
| 49 | G/SPS/N/JPN/1152 | ATTP, QLCL, BVTV, CT, TY | Nhật Bản | 02/12/2022 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v… theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) đối với hóa chất nông nghiệp sau:Thuốc trừ sâu: FludioxonilVí dụ:Mỡ gà: Mức giới hạn dư lượng hiện tại: 0,05 ppm; Mức giới hạn dư lượng dự thảo: 0,01 ppmSữa: Mức giới hạn dư lượng hiện tại: 0,01 ppm; Mức giới hạn dư lượng dự thảo: 0,04 ppmXoài: Mức giới hạn dư lượng không đổi: 5 ppm |
| 50 | G/SPS/N/TPKM/600 | TY | Đài Loan | 01/12/2022 | Dự thảo sửa đổi Điều 4, Điều 22 và Điều 5 (Phụ lục 1-2, 1-3, 2-2 và 2-3) của “Quy định nhập khẩu vật thể phải kiểm dịch động vật”. | 1) Xét thấy dịch cúm gia cầm độc lực cao (HPAI) đang xảy ra ở các nước sản xuất gia cầm lớn, dự thảo sửa đổi này đưa ra các phương án thay thế nhập khẩu gia cầm một ngày tuổi và trứng đã thụ tinh từ các cơ sở được chỉ định. Việc đánh giá rủi ro đối với các cơ sở được chỉ định phải được tiến hành và phê duyệt bởi cơ quan có thẩm quyền trung ương Đài Loan để đảm bảo các cơ sở được chỉ định có khả năng ngăn chặn các bệnh động vật truyền nhiễm xâm nhập vào lãnh thổ của Đài Loan.2) Nước xuất khẩu phải hành động để tuân thủ các yêu cầu liên quan đối với các cơ sở được chỉ định nêu trên.3) Sửa đổi cách viết tắt của Tổ chức Thú y Thế giới từ "OIE" thành "WOAH" |
| 51 | G/SPS/N/MAR/90/Corr.1 | TY, CN | Morocco | 01/12/2022 | (Dự thảo Lệnh liên tịch của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp, Thủy sản biển, Phát triển nông thôn và Tài nguyên nước và Lâm nghiệp và Bộ trưởng Bộ Y tế và Bảo trợ xã hội sửa đổi, bổ sung Lệnh liên tịch số 2300-17 của 11 moharrem 1440 (ngày 21 tháng 9 năm 2018) của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp, Thủy sản, Phát triển Nông thôn và Tài nguyên Nước và Lâm nghiệp và Bộ trưởng Bộ Y tế thiết lập các đặc tính của các sản phẩm làm sạch và khử trùng về hiệu suất, độc tính và độ tinh khiết và các điều kiện chi phối việc sử dụng các sản phẩm này trong các cơ sở và doanh nghiệp trong lĩnh vực thực phẩm và thức ăn chăn nuôi | Lệnh chung số 2300-17 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp, Thủy sản biển, Phát triển nông thôn và Tài nguyên nước và Lâm nghiệp và Bộ trưởng Bộ Y tế, xuất bản năm 2018, thiết lập các đặc tính của sản phẩm làm sạch và khử trùng về hiệu suất, độc tính và độ tinh khiết, và các thông số kỹ thuật và điều kiện chi phối việc sử dụng các sản phẩm này trong các cơ sở và doanh nghiệp trong lĩnh vực thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, trong Phụ lục I, có chứa danh sách các chất có thể được sử dụng trong các sản phẩm làm sạch và/hoặc khử trùng cho các cơ sở và doanh nghiệp trong lĩnh vực thực phẩm và thức ăn chăn nuôi.Trước những diễn biến liên quan đến việc đăng ký các chất mới được sử dụng trong các sản phẩm làm sạch và khử trùng trong lĩnh vực chăn nuôi và ngành thực phẩm nông nghiệp, cần phải cập nhật Lệnh số 2300-17.Là một phần trong nỗ lực hợp lý hóa các thủ tục theo quy định của Luật số 55-19 và để làm cho thủ tục hiện tại linh hoạt hơn và đẩy nhanh quá trình đăng ký các chất được liệt kê trong Phụ lục I, dự thảo Lệnh chung được thông báo đề nghị Tổng giám đốc ONSSA cập nhật danh sách này thường xuyên và công bố trên trang web của ONSSA.Dự thảo Lệnh chung được thông báo cũng đề xuất rằng các biểu tượng cho thiết bị bảo vệ cá nhân được thêm vào thông tin bắt buộc trên nhãn sản phẩm |
| 52 | G/SPS/N/THA/602 | TY | Thái Lan | 29/11/2022 | Cục chăn nuôi Thái Lan tiếp tục tạm đình chỉ nhập khẩu đối với lợn nuôi, lợn rừng và thịt lợn từ Việt Nam nhằm phòng ngừa lây lan của dịch Tả lợn Châu Phi | Thông báo từ chính phủ Thái Lan về việc ngừng nhập khẩu lợn nuôi, lợn rừng và thịt lợn nuôi thịt lợn rừng từ Việt Nam từ ngày 15/8/2022 đến hết ngày 12/11/2022. Tuy nhiên, theo báo cáo của Tổ chức Thú Y thế giới, dịch tả lợn châu Phi vẫn còn bùng phát ở một số nơi ở Việt Nam. Vì vậy, tuân theo đạo luật phòng chống bệnh dịch gia súc Animal Epidemics Act B.E. 2558 (2015), để phòng tránh du nhập dịch tả lợn châu Phi vào Thái Lan, chính phủ Thái Lan tiếp tục tạm ngừng nhập khẩu lợn nuôi, lợn rừng và thịt lợn từ Việt Nam trong vòng 90 ngày kể từ ngày 13/11/2022 – theo công báo của Hoàng gia Thái Lan |
| 53 | G/SPS/N/TZA/222 | CT | Tanzania | 28/11/2022 | [AFDC 14 (1684),](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7557)  Đặc điểm kỹ thuật đối với phô mai ricotta | Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với pho mát Ricotta dành cho người tiêu dùng trực tiếp hoặc để chế biến tiếp |
| 54 | G/SPS/N/TZA/220 | CT, TY | Tanzania | 28/11/2022 | [AFDC 14 (1682),](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7558) Đặc điểm kỹ thuật đối với sữa bột gầy bổ sung chất béo thực vật | Tiêu chuẩn này quy định cụ thể các yêu cầu đối với sản phẩm, quá trình lấy mẫu và phương pháp kiểm tra đối với Sữa bột gầy bổ sung chất béo thực vật được dùng làm thực phẩm sử dụng trực tiếp hoặc cho gia công chế biến. |
| 55 | G/SPS/N/TZA/219 | CT | Tanzania | 28/11/2022 | [AFDC 14 (1683),](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7559) Đặc điểm kỹ thuật đối với phô mai Caciotta | Tiêu chuẩn này quy định cụ thể các yêu cầu đối với sản phẩm, quá trình lấy mẫu và phương pháp kiểm tra đối với phô mai Caciotta được dùng làm thực phẩm sử dụng trực tiếp hoặc cho gia công chế biến. |
| 56 | G/SPS/N/MYS/54 | CT | Malaysia | 28/11/2022 | Sửa đổi quy định 361 thành 386A và 387 và bổ sung quy định mới, Quy định 384A đối với Quy định Thực phẩm 1985 [P.U.(A) 437/1985]. | Sửa đổi quy định về thực phẩm 1985 [P.U.(A) 437/1985] như sau:1. Sửa đổi điều 361 trong tiêu chuẩn chung đối với đồ uống có cồn
2. Sửa đổi điều 362 đến 286A và 387 về việc quy định cụ thể hàm lượng cồn, việc bổ sung các thành phần khác, việc sử dụng phụ gia sản phẩm và dán nhãn. Việc sửa đổi các điều khoản về phụ gia thực phẩm cho đồ uống có cồn nhằm hài hòa các yêu cầu về phụ gia thực phẩm với tiêu chuẩn Codex như *Codex General Standard for Food Additives (GSFA, Codex STAN 192-1995))*, phù hợp với tiểu mục 19(2) của quy định về thực phẩm 1985 [P.U.(A) 437/1985]. Các điều kiện theo đó phụ gia thực phẩm có thể được sử dụng trong đồ uống có cồn có thể được tham khảo trực tiếp tiêu chuẩn chung cho phụ gia thực phẩm *(GSFA, Codex STAN 192-1995);* và

Bổ sung quy định mới, số 384A yêu cầu tiêu chuẩn và quy định dám nhãn đối với rượu tequila và rượu mezcal |
| 57 | G/SPS/N/PAN/72/Add.2 | BVTV | Panama | 24/11/2022 | Chứng chỉ kiểm dịch thực vật của Cộng Hòa Panama | Biện pháp tạo thuận lợi thương mại. Để ngăn chặn sự gián đoạn thương mại. Panama thông báo cho các đối tác thương mại của mình rằng họ sẽ tiếp tục sử dụng Hệ thống chung (GeNS) của giải pháp ePhyto của Công ước Bảo vệ Thực vật Quốc tế (IPPC) để tạo và truyền Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật. Trong năm 2022, Panama đã trao đổi giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật điện tử với các đối tác thương mại quan trọng, vì vậy nước này mời các nước khác chính thức hóa các thỏa thuận trao đổi tương tự.Đối với những quốc gia mà việc gửi Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật điện tử chưa được chính thức hóa hoặc không được kết nối với trung tâm ePhyto, Panama sẽ sử dụng Hệ thống IPPC ePhyto GenNS để cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật bằng giấy sẽ được xuất trình cho nước nhập khẩu tại cửa khẩu. Bao gồm một mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật được tạo trong GeNS.Do quá trình chuyển đổi dần dần từ hệ thống thủ công sang GeNS sẽ mất nhiều thời gian hơn dự kiến ​​nên định dạng trước đó, cũng được đính kèm, sẽ có hiệu lực trong năm 2023. |
| 58 | G/SPS/N/USA/3358 | ATTP, CT, BVTV, TY, QLCL | Hoa Kỳ | 23/11/2022 | Cargill, Inc, nộp đơn kiến nghị về phụ gia thực phẩm | Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) thông báo rằng đã đệ trình một bản kiến nghị do Cargill, Inc. đề xuất sửa đổi các quy định về phụ gia thực phẩm để cung cấp việc sử dụng hydro peroxide một cách an toàn (Đăng ký CAS số 7722 –84–1) như một chất chống vi trùng, chất oxy hóa và chất khử, chất tẩy trắng và để loại bỏ sulfur dioxide |
| 59 | G/SPS/N/KOR/212/Add.18 | BVTV | Republic of Korea | 23/11/2022 | Sửa đổi danh mục loài dịch hại | Cơ quan Kiểm dịch Động thực vật (APQA), Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Nông thôn (MAFRA) tại Hàn Quốc đã sửa đổi danh sách dịch hại dựa trên kết quả phân tích nguy cơ dịch hại (PRA) và tuân theo quy định tại Điều 4 và Điều 6 của Pháp lệnh Bộ trưởng Luật Bảo vệ thực vật. APQA đã thông báo bổ sung thêm 24 loài dịch hại (24 loài) và 02 không phải dịch hại được quy định (02 loài). Ngoài ra, APQA đã loại bỏ sáu loài dịch hại (06 loài). Thông tin chi tiết trong file đính kèm.[Attachment 1] Danh sách đối tượng kiểm dịch mới bổ sung (24 loài)https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/KOR/22\_7960\_00\_e.pdf[Attachment 2] List of newly added regulated non-quarantine pests and host plants (two species)https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/KOR/22\_7960\_01\_e.pdf[Attachment 3] Removed pests from quarantine pest list (six species)https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/KOR/22\_7960\_02\_e.pdf |
| 60 | G/SPS/N/GBR/23 | TY, CN | Vương quốc Anh | 23/11/2022 | Thông báo đăng ký cấp phép phụ gia thức ăn chăn nuôi và cấp phép mười một loại phụ gia thức ăn chăn nuôi | Cơ quan an toàn thực phẩm Vương quốc Anh thông báo cho các Thành viên về việc đăng ký giấy phép cho phụ gia thức ăn chăn nuôi sử dụng ở Anh *(*GB*)* và việc cấp phép lưu hành cho 11 phụ gia thức ăn chăn nuôi được sử dụng trên thị trường bao gồm các giấy phép mới, gia hạn, sửa đổi và đánh giá lại một loại phụ gia thức ăn chăn nuôi hiện có. Sự cấp phép này được thực hiện trên cơ sở sử dụng và thông số được nêu trong các tư vấn được liên kết trong phần 9.11 loại phụ gia bao gồm:• RP15 (3b509) - Manganese chelate of lysine and glutamic acid• RP27 (1k20759) - Lactobacillus buchneri DSM 29026• RP65 (4a13) - Serine protease (EC 3.4.21.)- produced by Bacillus licheniformisDSM 19670• RP161 (4b1828) - Bacillus licheniformis DSM 28710• RP808 (4a32) - 6-phytase produced by Komagataella phaffii DSM 32854Renewal of authorisation:• RP96 (3a831) - Pyridoxine hydrochloride (vitamin B6)• RP130 (4b1702) - Saccharomyces cerevisiae CNCM I-4407Renewal and a new use:• RP664 (4b1830) - Clostridium butyricum FERM BP‐2789Renewal, modification and new use:• RP131 (4b1823) - Bacillus velezensis ATCC PTA-6737 (formerly Bacillus subtilis ATCCPTA-6737)Re-evaluation:• RP1030 (51756i) - Decoquinate (Deccox®)Modification:• RP419 (51756ii) - Decoquinate (Avi-Deccox®)Để biết thêm thông tin về cấp phép, vui lòng xem bảng trong Phụ lục đính kèm. |
| 61 | G/SPS/N/BRA/1066/Rev.1 | BVTV | Bra-xin | 23/11/2022 | Sắc lệnh số 514 ngày 8 tháng 11 năm 2022. Thiết lập các thủ tục kiểm tra và chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với việc đóng gói hàng hóa bằng vật liệu gỗ, giá đỡ bằng gỗ sử dụng cho việc đóng gói hàng hóa nhập khẩu hoặc xuất khẩu của Bra-xin, và của cả các thành phần, bộ phận có chất liệu gỗ được sử dụng để sản xuất ra chúng và các biện pháp khác | Thiết lập các thủ tục kiểm tra và chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với việc đóng gói hàng hóa bằng vật liệu gỗ, giá đỡ bằng gỗ sử dụng cho việc đóng gói hàng hóa nhập khẩu hoặc xuất khẩu của Bra-xin, và của cả các thành phần, bộ phận có chất liệu gỗ được sử dụng để sản xuất ra chúng và các biện pháp khác |
| 62 | G/SPS/N/TZA/218 | CT | Tanzania | 22/11/2022 | AFDC 04(1459)DTZS, Đặc điểm kỹ thuật đối với bơ hạt mỡ chưa tinh chế | Tiêu chuẩn của Tanzania quy định cụ thể các yêu cầu đối với sản phẩm, quá trình lấy mẫu và phương pháp kiểm tra đối với bơ hạt mỡ chưa tinh chế sẽ được sử dụng làm thực phẩm cho người hoặc như một thành phần trong sản xuất thực phẩm |
| 63 | G/SPS/N/USA/3356 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 21/11/2022 | Tiếp nhận một số đơn kiện nộp về dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. Thông báo nộp đơn kiến nghị và yêu cầu cho ý kiến. | Cơ quan bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ đã nhận được một số hồ sơ ban đầu về đơn kiến nghị thuốc trừ sâu yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. |
| 64 | G/SPS/N/USA/3355 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 21/11/2022 | Dung sai thuốc trừ sâu cyclaniliprole; Quy tắc cuối cùng | Quy định này thiết lập dung sai cho dư lượng của chất cyclaniliprole trong hoặc trên nhiều loại cây trồng |

**2. Danh sách các văn bản quy định về SPS có hiệu lực**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt** |
| 1 | G/SPS/N/TPKM/600/Add.1 | TY | Đài Loan | 19/12/2022 | Sửa đổi Điều 4 và Điều 5 (Đính kèm 1-2 và 1-3) của “Quy định nhập khẩu vật thể phải kiểm dịch động vật” | Đài Loan đã thông báo dự thảo sửa đổi Điều 4, Điều 22 và Điều 5 (Đính kèm 1-2, 1-3, 2-2 và 2-3) của "Quy định nhập khẩu đối tượng phải kiểm dịch động vật" vào ngày 01 tháng 12 năm 2022 (G/SPS/N/TPKM/600). Bản sửa đổi được ban hành vào ngày 6 tháng 12 năm 2022.https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/TPKM/22\_8645\_00\_e.pdf |
| 2 | G/SPS/N/JPN/1034/Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 19/12/2022 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho cyfluthrin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1034 (ngày 24 tháng 5 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 26 tháng 10 năm 2022. Các MRL được chỉ định có sẵn như bên dưới: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_8672\_00\_e.pdf |
| 3 | G/SPS/N/JPN/1033/Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 19/12/2022 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) cho tetraniliprole được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1033 (ngày 24 tháng 5 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 26 tháng 10 năm 2022. Các MRL được chỉ định có sẵn như bên dưới: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_8671\_00\_e.pdf |
| 4 | G/SPS/N/JPN/1032/Add.1 | ATTP, TY | Nhật Bản | 19/12/2022 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho lubabegron được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1032 (ngày 24 tháng 5 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 26 tháng 10 năm 2022. Các MRL được chỉ định có sẵn như bên dưới: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_8670\_00\_e.pdf |
| 5 | G/SPS/N/JPN/1031/Add.1 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 19/12/2022 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho picoxystrobin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1031 (ngày 24 tháng 5 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 26 tháng 10 năm 2022. Các MRL được chỉ định có sẵn như bên dưới: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_8669\_00\_e.pdf |
| 6 | G/SPS/N/JPN/1030/Add.1 | ATTP, TY | Nhật Bản | 19/12/2022 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho pencycuron được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1030 (ngày 24 tháng 5 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 26 tháng 10 năm 2022. Các MRL được chỉ định có sẵn như bên dưới: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_8667\_00\_e.pdf |
| 7 | G/SPS/N/JPN/1029/Add.1 | ATTP, TY | Nhật Bản | 19/12/2022 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho bacitracin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1029 (ngày 24 tháng 5 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 26 tháng 10 năm 2022. Các MRL cụ thể có sẵn như sau: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_8665\_00\_e.pdf |
| 8 | G/SPS/N/JPN/1028/Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 19/12/2022 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho flufenoxuron được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1028 (ngày 24 tháng 5 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 26 tháng 10 năm 2022. Các MRL được chỉ định có sẵn như bên dưới: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_8664\_00\_e.pdf |
| 9 | G/SPS/N/JPN/1027/Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 19/12/2022 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho cyantraniliprole được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1027 (ngày 24 tháng 5 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 26 tháng 10 năm 2022. Các MRL được chỉ định có sẵn như bên dưới: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_8663\_00\_e.pdf |
| 10 | G/SPS/N/JPN/1026/Add.1 | ATTP, TY | Nhật Bản | 19/12/2022 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) cho phenoxymethylpenicillin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1026 (ngày 24 tháng 5 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 26 tháng 10 năm 2022. Các MRL được chỉ định có sẵn như bên dưới: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_8662\_00\_e.pdf |
| 11 | G/SPS/N/JPN/1025/Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 19/12/2022 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho afidopyropen được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1025 (ngày 23 tháng 5 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 26 tháng 10 năm 2022. Các MRL được chỉ định có sẵn như bên dưới: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_8661\_00\_e.pdf |
| 12 | G/SPS/N/JPN/1024/Add.1 | ATTP, TY, QLCL | Nhật Bản | 19/12/2022 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho ampicillin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1024 (ngày 23 tháng 5 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 26 tháng 10 năm 2022. Các MRL được chỉ định có sẵn như bên dưới: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_8660\_00\_e.pdf |
| 13 | G/SPS/N/JPN/1023/Add.1 | ATTP | Nhật Bản | 19/12/2022 | Sửa đổi các Thông số kỹ thuật và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. (quy tắc cuối cùng) | Bản sửa đổi các tiêu chuẩn hiện có đối với Kali ferrocyanua được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1023 (ngày 23 tháng 5 năm 2022) đã được thông qua và xuất bản vào ngày 26 tháng 10 năm 2022. https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/ JPN/22\_8659\_00\_e.pdf |
| 14 | G/SPS/N/EU/576/Add.1 | ATTP, TY, QLCL | EU | 14/12/2022 | Mức tối đa của các chất perfluoroalkyl trong một số loại thực phẩm | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/576 (ngày 04 tháng 7 năm 2022) hiện được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2022/2388 ngày 7 tháng 12 năm 2022 sửa đổi Quy định (EC) số 1881/2006 liên quan đến mức tối đa của các chất perfluoroalkyl trong một số loại thực phẩm (Văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 316, ngày 8 tháng 12 năm 2022, tr. 38]. Quy định sẽ được áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2023. https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/EEC/22\_8577\_00\_e.pdf https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/EEC/22\_8577\_00\_f. pdf https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/EEC/22\_8577\_00\_s.pdf |
| 15 | G/SPS/N/CAN/1448/Add.1 | BVTV | Canada | 13/12/2022 | RMD-22-02: Quy định quản lý rủi ro sinh vật gây hại đối với *Cydalima perspectalis* ở Canada | Thông báo này nhằm thông báo cho các thành viên rằng sau 30 ngày tham khảo tài liệu quản lý rủi ro (RMD) RMD-22-02: Đề xuất quản lý rủi ro dịch hại đối với quy định về *Cydalima perspectalis* ở Canada, đã được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1448 (ngày 5 tháng 8 năm 2022), Cơ quan Thanh tra Thực phẩm Canada (CFIA) đã thông qua phương án 3: thiết lập khu vực quy định cho tỉnh Ontario.CFIA đã thêm *Cydalima perspectalis*, sâu bướm hộp (BTM), vào danh sách các loài gây hại do Canada quản lý.Vào ngày 12 tháng 12 năm 2022, CFIA đã bổ sung các yêu cầu nhập khẩu đối với *Buxus* spp. thực vật để trồng vào hệ thống tham chiếu nhập khẩu tự động.Thời gian chuyển tiếp 60 ngày sẽ được áp dụng cho phép nhập khẩu sản phẩm mà không cần khai báo bổ sung trên giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đến ngày 10 tháng 2 năm 2023. Sau ngày này, các yêu cầu khai báo bổ sung sẽ được yêu cầu hoặc lô hàng sẽ bị từ chối.Khai báo bổ sung:• "Lô hàng được sản xuất và chuẩn bị xuất khẩu theo cách tiếp cận hệ thống được CFIA chấp nhận đối với *Cydalima perspectalis*."Hoặc• "Lô hàng được sản xuất tại khu vực không có dịch hại được CFIA công nhận đối với *Cydalima perspectalis*."Ngoài ra, việc nhập khẩu *Buxus* spp. thực vật để trồng có nguồn gốc từ các khu vực kiểm dịch *Cydalima perspectalis* ở Hoa Kỳ hoặc từ các quốc gia được coi là bị nhiễm *Cydalima perspectalis* sẽ bị cấm vào Tỉnh British Columbia. Các thay đổi sẽ có hiệu lực vào ngày 10 tháng 2 năm 2023 |
| 16 | G/SPS/N/UKR/188/Add.1 | TY | Ucraina | 09/12/2022 | Dự thảo Lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ucraina "Về việc phê duyệt các yêu cầu vệ sinh đối với việc sản xuất và đưa ra thị trường các sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc từ động vật" | Ucraina thông báo việc thông qua và ban hành Lệnh của Bộ Chính sách nông nghiệp và Thực phẩm Ucraina số 813 ngày 20 tháng 10 năm 2022 "Về việc phê duyệt các yêu cầu vệ sinh đối với việc sản xuất và đưa ra thị trường các sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc động vật". Lệnh đã được đăng ký với Bộ Tư pháp Ucraina vào ngày 15 tháng 11 năm 2022, được ban hành và có hiệu lực vào ngày 25 tháng 11 năm 2022.Lệnh có tại:https://zakon.rada.gov.ua/laws/show/z1409- 22#Text (bằng tiếng Ukraina) https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/UKR/22\_8398\_00\_x.pdf |
| 17 | G/SPS/N/EU/511/Add.1 | ATTP, CT | EU | 08/12/2022 | Chiết xuất trà xanh có chứa(-)-epigallocatechin-3-gallate | Chiết xuất trà xanh có chứa (-)-epigallocatechin-3-gallateĐề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/511 (ngày 13 tháng 10 năm 2021) hiện được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2022/2340 ngày 30 tháng 11 năm 2022 sửa đổi Phụ lục III của Quy định (EC) số 1925/2006 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng liên quan đến chất chiết xuất từ trà xanh có chứa (-)-epigallocatechin-3-gallate (Văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 310, ngày 1 tháng 12 năm 2022, trang. 7].Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ hai mươi sau khi được công bố trên Công báo của Liên minh Châu Âu.https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/EEC/22\_8375\_00\_e.pdfhttps://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/EEC/22\_8375\_00\_f.pdfhttps://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/EEC/22\_8375\_00\_s.pdf |
| 18 | G/SPS/N/CAN/1450/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 05/12/2022 | Giới hạn dư lượng tối đa đối với: Quizalofop-ethyl | Tài liệu về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho quizalofop-ethyl được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1450 (ngày 10 tháng 8 năm 2022) đã được thông qua vào ngày 30 tháng 11 năm 2022. Các MRL đề xuất được thiết lập thông qua mục nhập vào Cơ sở dữ liệu Giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp trực tiếp dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến |
| 0,1 | Quả lựu (nhóm cây trồng 11-09), quả hạch (nhóm cây trồng 12-09), quả nhỏ dạng dây leo, trừ quả Kiwi xù (nhóm cây trồng 13-07F) |

1 ppm = phần triệuCó thể tìm thấy các mặt hàng có trong các nhóm/phân nhóm cây trồng được liệt kê trên trang web Nhóm cây trồng có hóa chất tồn dư (https://www.canada.ca/en/health-canada/services/consumer-productsafety/pesticides-pest-management/public /protecting-your-health-environment/pesticidesfood/residue-chemo-crop-groups.html) trong phần Thuốc trừ sâu của trang web Canada.ca.Có thể tìm thấy MRL được thiết lập ở Canada bằng cách sử dụng cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa của Bộ Y tế Canada(https://pest-control.canada.ca/pesticide-registry/en/disclaimer-page.html) ở mức tối đaTrang web Giới hạn dư lượng cho thuốc trừ sâu (https://www.canada.ca/en/healthcanada/services/consumer-product-safety/pesticides-pest-management/public/protecting-yourhealth-environment/pesticides-food/maximum-residue-limits-pesticides.html). Cơ sở dữ liệu cho phép người dùng tìm kiếm thuốc trừ sâu hoặc hàng hóa thực phẩm |
| 19 | G/SPS/N/EU/577/Add.1 | TY | EU | 01/12/2022 | Yêu cầu đối với việc nhập khẩu vào Liên minh các lô hàng động vật sản xuất thực phẩm và một số hàng hóa dành cho con người | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/577 (ngày 7 tháng 7 năm 2022) hiện được thông qua bởi Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2022/2292 ngày 6 tháng 9 năm 2022 bổ sung cho Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng liên quan đến các yêu cầu để gia nhập Liên minh các lô hàng động vật sản xuất thực phẩm và một số hàng hóa dành cho con người (Văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 304, ngày 24 tháng 11 năm 2022, trang. 1].Quy định này được áp dụng kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2022.https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/EEC/22\_8162\_00\_e.pdfhttps://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/EEC/22\_8162\_00\_f.pdfhttps://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/EEC/22\_8162\_00\_s.pdf |
| 20 | G/SPS/N/COL/337/Add.1 | TY, QLCL | Colombia | 01/12/2022 | Dự thảo Nghị quyết "cho phép nhập khẩu vào Colombia động vật giáp xác và các sản phẩm của chúng từ các quốc gia, khu vực, khu vực và/hoặc cơ sở không bị nhiễm *Aphanomyces astaci*, bệnh hoại tử gan tụy cấp tính (AHPND), virus hoại tử cơ truyền nhiễm (IMNV), *Hepatobacter penaei* (viêm gan tụy hoại tử) - NHP), *Macrobrachium rosenbergii nodavirus*, *Decapod iridescent virus* 1 (DIV1), virus hoại tử cơ quan tạo máu và dưới da truyền nhiễm (IHHNV) và virus hội chứng Taura (TSV)" | Theo Điều 9.8.7 và 9.9.7 của Bộ luật Thú y Thủy sản của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH), và với mục đích tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế các sản phẩm chăn nuôi giữa Colombia và các đối tác thương mại, điều này được coi là khả thi cho phép nhập khẩu động vật giáp xác và các sản phẩm của chúng từ các quốc gia, khu vực, khu vực và/hoặc cơ sở không có bệnh được liệt kê trong Nghị quyết số 00023427 ngày 16 tháng 11 năm 2022 "cho phép nhập khẩu vào Colombia động vật giáp xác và các sản phẩm của chúng từ các quốc gia, khu vực và/hoặc các cơ sở không bị nhiễm *Aphanomyces astaci*, bệnh hoại tử gan tụy cấp tính (AHPND), vi rút hoại tử cơ truyền nhiễm (IMNV), *Hepatobacter penaei* (viêm gan tụy hoại tử - NHP), *Macrobrachium rosenbergii nodavirus*, Decapod iridescent virus 1 (DIV1), vi rút dưới da và vi rút hoại tử cơ quan tạo máu (IHHNV) và vi rút gây hội chứng Taura (TSV) |
| 21 | G/SPS/N/UKR/186/Add.1 | CT | Ucraina | 25/11/2022 | Dự thảo của Bộ Y tế Ucraina “về việc phê duyệt tiêu chí giải phóng N-nitrosamines và các chất có khả năng chuyển hóa thành N-nitrosamin *(N-nitrosatable)* từ chất đàn hồi hoặc núm vú cao su và núm vú giả" | Ucraina thông báo về việc thông qua Lệnh của Bộ Y tế Ucraina ngày 24 tháng 9 năm 2022 Số 1734 "Về việc phê duyệt tiêu chí giải phóng N-nitrosamine và các chất có khả năng chuyển hóa thành N-nitrosamin (N-nitrosatable)từ chất đàn hồi hoặc núm vú cao su và ti giả".Lệnh đã được đăng ký với Bộ Tư pháp vào ngày 14 tháng 10 năm 2022, được công bố vào ngày 28 tháng 102022 và sẽ có hiệu lực vào ngày 28 tháng 4 năm 2023 |
| 22 | G/SPS/N/THA/559/Add.1 | BVTV | Thái Lan | 24/11/2022 | Thông báo của Bộ Nông nghiệp quy định về việc nhập khẩu cần sa và hạt gai dầu B.E. 2565 (2022) | Dự thảo các quy định đối với việc nhập khẩu cần sa và hạt gai dầu vào Thái Lan như đã thông báo trước đó trong văn bản G/SPS/N/THA/559 ngày 19/8/2022, được thông qua và đăng trên công báo Hoàng gia ngày 28/10/2022Ngày có hiệu lực: ngày tiếp theo sau ngày đăng công báo chính phủ |
| 23 | G/SPS/N/USA/3203/Add.2 | BVTV, QLCT, TY, CT | Hoa Kỳ | 23/11/2022 | Yêu cầu đối với hồ sơ truy xuất nguồn gốc bổ sung cho một số loại thực phẩm | Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ ban hành quy tắc cuối về việc thiết lập bổ sung hồ sơ lữu trữ đối với người sản xuất, chế biến, đóng gói hoặc lưu giữ những loại thực phẩm đã được FDA đưa vào danh sách truy xuất nguồn gốc thực phẩm Food Traceability List (FTL). Quy tắc này thông qua các điều khoản yêu cầu lưu trữ thông tin về các sự kiện quan trọng trong chuỗi cung ứng ví dụ như thông tin về đóng gói, vận chuyển, nhận hàng ... Các yêu cầu này giúp cho việc xác định người nhập thực phẩm một cách nhanh chóng và hiệu quả nhằm ngăn ngừa hoặc giảm thiểu bùng phát dịch bệnh do thực phẩm và giải quyết các khủng hoảng sức khỏe nghiêm trọng hoặc bị tử vong do thực phẩm bị nhiễm tạp chất hoặc do ghi sai nhãn.Quy định này được ban hành theo Đạo luật hiện đại hóa an toàn thực phẩm của FDA. |
| 24 | G/SPS/N/UKR/190/Add.1 | BVTV, TY, QLCL | Ucraina | 23/11/2022 | Dự thảo luật của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ucraina về việc phê duyệt các yêu cầu “về vệ sinh đối với sản phẩm thực phẩm đông lạnh nhanh dành cho người tiêu dùng” | Ucraina thông báo về việc thông qua Lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Lương thực Ucraina ngày 14 tháng 9 năm 2022 Số 682 "Về việc phê duyệt các yêu cầu vệ sinh đối với các sản phẩm thực phẩm đông lạnh nhanh dùng cho người". Lệnh đã được đăng ký với Bộ Tư pháp Ucraina vào ngày 17 tháng 10 năm 2022, được công bố và có hiệu lực vào ngày 28 tháng 10 năm 2022. Lệnh sẽ được ban hành trong ba năm kể từ ngày chấm dứt hoặc hủy bỏ thiết quân luật ở Ucraina. Lệnh là có sẵn tại: https://zakon.rada.gov.ua/laws/show/z1251-22#Tex |
| 25 | G/SPS/N/UKR/165/Rev.1/Add.1 | TY, QLCL | Ucraina | 23/11/2022 | Dự thảo Lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ucraina "Về việc phê duyệt các yêu cầu đối sử nhân đạo với động vật tại thời điểm giết mổ" | Ucraina thông báo về việc thông qua Lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Lương thực Ucraina ngày 28 tháng 8 năm 2022 Số 628 "Về việc phê duyệt các yêu cầu đảm bảo đối sử nhân đạo với động vật trong quá trình giết mổ". Lệnh đã được đăng ký với Bộ Tư pháp Ucraina vào ngày 14 tháng 10 năm 2022, được công bố và có hiệu lực vào ngày 28 tháng 10 năm 2022. Lệnh sẽ được ban hành đồng thời với Luật "Về thuốc thú y" số 1206-IX ngày 4 tháng 2 của Ucraina 2021 (sẽ được ban hành một năm sau khi chấm dứt hoặc hủy bỏ thiết quân luật).Đồng thời quy định:− Cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2027, các quy định của đoạn 1, Chương 1, Mục III của yêu cầu chỉ áp dụng cho các lò mổ mới được đưa vào hoạt động sau khi Lệnh này có hiệu lực và thi hành;− Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, các quy định của đoạn 1 Chương 1 Phần III của các yêu cầu áp dụng cho tất cả các lò mổ− Các yêu cầu của Chương 5, Phần II của các yêu cầu được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, nhưng không sớm hơn khi Lệnh này có hiệu lực và thực thi Lệnh nàyLệnh là có sẵn tại:https://zakon.rada.gov.ua/laws/show/z1244-22#Text (available in Ukrainian) |
| 26 | G/SPS/N/UKR/150/Rev.1/Add.1 | BVTV, QLCT, TY, CT | Ucraina | 23/11/2022 | Dự thảo Luật của Ucraina "Về Vật liệu và vật phẩm ​​tiếp xúc với Thực phẩm" | Ucraina thông báo về việc thông qua Luật số 2718-IX "Về vật liệu và vật phẩm tiếp xúc với thực phẩm" ngày 3 tháng 11 năm 2022. Luật được công bố vào ngày 19 tháng 11 năm 2022 và sẽ có hiệu lực vào ngày 19 tháng 11 năm 2025, mặc dù có một số quy định có hiệu lực vào ngày 20 tháng 11 năm 2022.Lệnh là có sẵn tại:https://zakon.rada.gov.ua/laws/show/2718-20#Text (available in Ukrainian) |
| 27 | G/SPS/N/GBR/16/Add.1 | BVTV | Vương quốc Anh | 23/11/2022 | Cập nhật các biện pháp phòng dịch hại | Dự thảo trong thông báo G/SPS/N/GBR/16 ngày 30 tháng 5 năm 2022 về cập nhật khác đối với các biện pháp phòng dịch hại của GB. Một bản sao của luật đã được cung cấp cùng với phụ lục này. Ngày có hiệu lực đối với tất cả các biện pháp phòng dịch hại cập nhật xác nhận là ngày 3 tháng 5 năm 2023, ngoại trừ *Thekopsora minima* được phân loại là dịch hại không thuộc diện kiểm dịch sẽ có hiệu lực vào ngày 25 tháng 11 năm 2022 theo G/SPS/N/GBR /16.Đường link liên kết của biện pháp tại http://www.legislation.gov.uk/id/uksi/2022/1120. |
| 28 | G/SPS/N/EU/536/Add.1 | TY | EU | 23/11/2022 | Bệnh “Suy mòn mãn tính" *(Chronic wasting disease – CWD),* hay còn được gọi là "bệnh hươu zombie" ở loài Hươu | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/536 (ngày 06/01/20220 hiện được thông qua bởi quy định của Ủy ban (EU) 2022/2246 ngày 15/11/2022 bổ sung phụ lục VIII và IX vào quy định (EC) No 999/2001 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan tới bệnh Suy mòn mãn tính ở loài hươu (Văn bản có liên quan đến Khu vực kinh tế Châu Âu (*EEA)*) [OJ L 295, ngày 16 tháng 11 năm 2022, tr. 1]. Quy định sẽ được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2023. |

Chi tiết nội dung dự thảo xin truy cập địa chỉ: http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cac-nuoc-thanh-vien hoặc tham khảo trên: https://docs.wto.org